

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày 18/10/2018

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hợi và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224a/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã U', huyện N, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Bà Trương Thị H (tên gọi khác Trương Thị H1), sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Ông X có mặt, bà H xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Trương Thị H, còn có tên gọi khác là Trương Thị Hà vào ngày 19/3/1992 trên cơ sở tự nguyện. Sau ngày cưới, ông và bà H chung sống tại nhà riêng của ông ở thôn Đ, xã U', huyện N. Đến năm 1996, do ông vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành hình phạt tù, trong thời gian ông đi tù, bà H đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q, xã Đ, huyện T sống. Năm 2000, ông chấp hành xong hình phạt tù và đã đến đón mẹ con bà H về chung sống cùng ông nhưng bà H kiên quyết không về. Từ đó đến nay, ông và bà H sống ly thân nhau,

không ai quan tâm đến ai. Ông thấy không còn tình cảm với bà H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Về quan hệ con chung: Ông và bà H có hai con chung là Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1997, các con của ông bà đã lớn và có cuộc sống riêng nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn bà Trương Thị H trình bày về thời gian kết hôn giống như ông X trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên hay xảy ra cãi nhau. Trong thời gian ông X đi chấp hành hình phạt tù, bà đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Q, Đ sống, sau khi ông X ra tù, bà thấy không còn tình cảm nên cũng không về sống cùng ông X. Từ đó đến nay, hai vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai, bà thấy cũng không còn tình cảm với ông X nên nhất trí ly hôn với ông X. Tuy nhiên, trong buổi hòa giải tại Tòa án, bà thay đổi quan điểm xác định không còn tình cảm với ông X nhưng không nhất trí ly hôn vì trước đây bà xin ly hôn, ông X đã gây khó khăn khiến bà không ly hôn được, nay bà cũng không muốn ông X được ly hôn dễ dàng.

Về con chung: Bà và ông X có hai con chung như ông X đã trình bày, các con bà đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông X không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà H, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác, bà H vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn giải quyết vụ án, ông X và bà H không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử cho ông X ly hôn bà H; buộc ông X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Trương Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn X và bà Trương Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện N vào ngày 19/3/1992 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, cả ông X và bà H đều khẳng định ông bà không còn tình cảm với nhau và đã ly thân nhau từ năm 2000 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nhưng ông X xin ly hôn, bà H không nhất trí. Hội đồng xét xử thấy mặc dù bà H không đồng ý ly hôn nhưng thực tế bà và ông X đã sống ly thân nhau gần 20 năm, không ai có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, cũng không còn tình cảm với nhau, việc bà H không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn chứ không nhằm mục đích để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân của ông X và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X, xử cho ông X được ly hôn bà H.

[2] Về quan hệ con chung, tài sản chung: Cả ông X và bà H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông X là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X, xử cho ông Nguyễn Văn X ly hôn bà Trương Thị H (tên gọi khác Trương Thị Hà).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000645 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Đ, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã U, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Đoàn Thị Hương Nhu